TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HC-PT
Ngày: 09/01/2025
V/v: "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tồn

Ông Trần Quốc Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 418/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc *"Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 199/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk Bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2405/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Trần Văn K, sinh năm 1956; địa chỉ: Số xxx đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Người bị kiện:*** Ủy Ban nhân dân thành phố B; Địa chỉ: xx L, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy Ban nhân dân thành phố B. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Trương Văn C, chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B.

+ Ông Võ Quang H, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: người Bị kiện Ủy Ban nhân dân thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là Ông Trần Văn K trình Bày:

Tháng 6/1984 gia đình Ông Trần Văn K mua lại của ông Phạm Ngọc T căn nhà và thửa đất tại địa chỉ x và sinh sống ổn định cho đến nay.

Về nguồn gốc thửa đất và căn nhà trên là của Bà Nguyễn Thị L xây cất năm 1981, sau đó để thừa kế cho con gái nuôi là Nguyễn Thị Ánh T sử dụng đến tháng 5/1982 thì Bán lại cho ông Phạm Ngọc T. Đến tháng 6/1984, ông Thiều Bán lại cho vợ chồng ông K diện tích là 415,8m^2. Quá trình sinh sống, ông Kkhông chuyển nhượng, tranh chấp với Bất kỳ ai. Ranh giới thửa đất tiếp giáp liền kề với đường H thời điểm này là đường đất rộng khoảng 05 mét thông qua Buôn Kô Siêr và chưa có chỉ giới quy hoạch đường.

Ngày 25/6/1993, vợ chồng ông K được Sở xây dựng tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 197/CNSH đối với căn nhà tại địa chỉ X thể hiện tổng diện tích đất là 415,8m^2, trong đó xác định theo quy hoạch có 81m^2 (tính từ tim đường vào 2,5 mét) nằm trong chỉ giới quy hoạch nhưng chưa được sử dụng, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 và các công trình phụ.

Ngày 17/6/2019, Uỷ Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Công văn số 4852/UBND-CN về việc thống nhất đầu tư mở rộng đường H, đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Trần Quý Cáp, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột. Quá trình thực hiện dự án giải tỏa mở rộng hai Bên đường H, hầu hết các hộ dân đều được mời dự họp với các Ban ngành về việc triển khai công tác giải phóng mặt Bằng và đền Bù, riêng gia đình ông Kkhông được mời dự họp lần nào. Ông K làm đơn yêu cầu giải quyết nhưng được Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố **B**trả lời là diện tích đất của gia đình ông đang sử dụng không Bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án nên không thực hiện thu hồi đất.

Ngày 06/12/2023, Chủ tịch Ủy Ban nhân dân phường T ra thông Báo về việc yêu cầu gia đình ông K phối hợp Bàn giao mặt Bằng để thi công đường H. Đến ngày 08/12/2023 thì cơ quan chức năng đã tiến hành san ủi một phần đất của gia đình ông Klà 39,22m^2 (hiện trạng là sân có nền láng xi măng, hai Bên

hàng rào lưới B40 đến giáp đường H) trong diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà vào năm 1993 có nguồn gốc do ông Knhận chuyển nhượng vào năm 1984 khi chưa có quyết định thu hồi đất. Nhận thấy việc UBND thành phố **B** không thu hồi, Bồi thường phần diện tích đất Bị san ủi nên ông Klàm đơn khởi kiện yêu cầu Ủy Ban nhân dân thành phố **B** phải Ban hành quyết định thu hồi đất và Bồi thường phần diện tích 39,22m^2 đất đã Bị san ủi cho gia đình ông.

* Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người Bị kiện là ông Lê Đại Thắng trình Bày:

Đất của Ông Trần Văn K và Bà Lương Thị L được Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà tại căn nhà số X vào năm 1993.

Qua rà soát hồ sơ pháp lý có liên quan, Bản vẽ thiết kế thi công đã được Sở Xây dựng Đắk Lắk thẩm định tháng 7/2020, mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 7-2020, tờ Bản đồ số 02, 03 (404 504-6-(01)+405 504-04) về việc đo đạc chỉnh lý theo hiện trạng sử dụng đất, phục vụ lập hồ sơ đền Bù giải phóng mặt Bằng công trình: đường H được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 29/01/2021, thì hiện trạng phần đất của Ông Trần Văn K đang sử dụng không Bị ảnh hưởng khi thực hiện công trình đường H. Do đó, Ủy Ban nhân dân thành phố **B**không Ban hành thông Báo thu hồi đất, không thực hiện công tác Bồi thường, hỗ trợ tài sản và không Ban hành quyết định thu hồi đất theo quy định.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đơn khởi kiện của Ông Trần Văn K theo quy định của pháp luật.

* Người Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người Bị kiện là ông Trương Văn Chính tại phiên toà: Thống nhất lời trình Bày của đại diện người Bị kiện, tuy nhiên trước khi thực hiện dự án UBND thành phố đã giao cho đơn vị đo đạc thực hiện nhưng kết quả đo đạc, Bản vẽ thiết kế thi công các thửa đất Bị ảnh hưởng, Bị thu hồi của các hộ dân trong đó không có hộ ông Klà thiếu sót.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 199/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; Điều 348; Điều 358; điểm c khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 74, khoản 1 Điều 75, khoản 1 Điều 88, khoản 6 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn K:

1. Tuyên Bố hành vi của UBND thành phố **B** không thu hồi, Bồi thường diện tích **39,22m^2** đất tại địa chỉ 165 Hùng Vương, phường Tự An, thành phố **B**cho hộ Ông Trần Văn K là trái pháp luật.

2. Buộc UBND thành phố **B** phải thu hồi và Bồi thường diện tích đất **39,22m^2** tại địa chỉ 165 Hùng Vương, phường Tự An, thành phố **B** cho hộ Ông Trần Văn K theo Biên Bản ghi nhận hiện trạng lập ngày 08/12/2023 theo quy định pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông Báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/10/2024, người Bị kiện Ủy Ban nhân dân thành phố B kháng cáo với nội dung: hiện trạng phần đất của Ông Trần Văn K đang sử dụng không Bị ảnh hưởng khi thực hiện công trình đường H nên UBND thành phố không Thông Báo thu hồi đất, không thực hiện công tác Bồi thường, hỗ trợ tài sản và không Ban hành Quyết định thu hồi đất là đúng quy định.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm Bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử Bác kháng cáo của người Bị kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn K về hành vi hành chính của Ủy Ban nhân dân thành phố **B**trong lĩnh vực quản lý đất đai là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Nội dung:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất: vào tháng 6/1984, vợ chồng Ông Trần Văn K và Bà Lương Thị L nhận chuyển nhượng nhà và đất của Bà Nguyễn Thị Ánh T cho

ông Phạm Ngọc T, tổng diện tích 415,8m^2, ranh giới tiếp giáp liền kề với đường H (đường đất rộng khoảng 05m) và chưa có chỉ giới quy hoạch đường. Ngày 25/6/1993, hộ ông K được Sở xây dựng tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 197/CNSH đối với căn nhà số 147 Hùng Vương. Tại Bản trích lục căn nhà số Xcủa Sở Xây dựng tỉnh chứng nhận, thể hiện diện tích đất Bao chiếm là 415,8m^2, trong đó diện tích đất được phép sử dụng là 120m^2, diện tích đất vườn liền nhà là 214,8m2, diện tích đất thuộc quy hoạch phải giải tỏa là 81m^2 (phần diện tích đất này, gia đình ông đổ Bê tông từ năm 1995 sử dụng làm chỗ đậu xe ô tô).

[2.2] Tại Bản vẽ thiết kế thi công đã được Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk thẩm định tháng 7/2020; Mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 7-2020, tờ Bản đồ DC3 về việc đo đạc chỉnh lý theo hiện trạng sử dụng đất, phục vụ lập hồ sơ đền Bù giải phóng mặt Bằng công trình đường H và Bản vẽ trích đo hiện trạng thửa đất khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, thể hiện hiện trạng phần đất 81m^2 của gia đình ông Kđã xây dựng đổ Bê tông sử dụng mục đích phục vụ sinh hoạt từ năm 1995 đến nay, diện tích này đang sử dụng thuộc quy hoạch đất giao thông, không thể chuyển đổi mục đích đất ở, phần diện tích đất Bị san ủi là 39,22m^2 làm đường.

[2.3] Với các phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn K, Buộc người Bị kiện Ban hành Quyết định thu hồi và Bồi thường với diện tích đất Bị san ủi làm đường nêu trên có căn cứ, đảm Bảo quyền lợi của hộ Ông Trần Văn K.

[2.4] Tại giai đoạn phúc thẩm người kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới để làm thay đổi Bản chất của vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người Bị kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người Bị kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không Bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Bác toàn Bộ yêu cầu kháng cáo của người Bị kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số199/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc "*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy Ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 14154 ngày 25/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không Bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Ngọc Dung